

Vai trò của kiến thức đầu vào trong phát triển năng lực giao tiếp ngoại ngữ

Đỗ Bá Quý*

*Khoa Sau đại học, Trường Đại học Ngoại ngữ,
Đại học Quốc gia Hà Nội, Đường Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 15 tháng 7 năm 2009

Tóm tắt. Bài viết nhằm hai mục đích: 1) Điềm lại một số quan điểm phổ biến về năng lực giao tiếp, về kiến thức đầu vào và vai trò của kiến thức đầu vào trong phát triển năng lực giao tiếp; và 2) Đề nghị một số điều chỉnh về cơ cấu chương trình đào tạo cử nhân ngoại ngữ tại Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội theo hướng cung cấp đủ khối lượng kiến thức đầu vào gồm ba khối kiến thức thành tố: 1) *khối kiến thức chung*, 2) *khối kiến thức ngôn ngữ*, và 3) *khối kiến thức nghiệp vụ* trên cơ sở mô hình năng lực giao tiếp mới được đề xuất gồm 3 thành tố: *năng lực tri thức ngôn ngữ*, *năng lực tri thức thế giới* và *năng lực chiến lược*. Tổ hợp kiến thức của ba khối kiến thức này là yếu tố nền tảng quyết định sự thành công của quá trình tạo dựng và phát triển năng lực giao tiếp cho mọi đối tượng người học ngoại ngữ.

Từ khoá: Kiến thức đầu vào, năng lực giao tiếp, chương trình đào tạo.

1. Đặt vấn đề

Ngôn ngữ là công cụ của tư duy; là phương tiện giao tiếp. Tiếp thụ tiếng mẹ đẻ, học ngôn ngữ thứ hai hay ngoại ngữ, trước tiên và trên hết là nhằm phục vụ mục đích giao tiếp liên nhân. Biết sử dụng một ngôn ngữ nhất định nào đó để hiện thực hóa một mục đích giao tiếp nhất định nào đó đạt đến một trình độ nhất định nào đó, có nghĩa là, người biết sử dụng nó đã có được một năng lực giao tiếp cần và đủ để có thể thực hiện có hiệu quả những hành vi giao tiếp phù hợp. Trong xây dựng chương trình đào tạo ngôn ngữ nói chung và ngoại ngữ nói riêng, ba câu hỏi: *Dạy ai? Dạy cái gì? và Dạy cái đó như*

thế nào? luôn được đặt ra đầu tiên. Nhưng, cho dù dạy ai, dạy cái gì và dạy cái đó như thế nào đi nữa thì nhân tố quyết định kết quả của quá trình đào tạo vẫn luôn là **Kiến thức đầu vào** - Là “bột” (ngữ liệu) để “gột” nên “hò” (sản phẩm ngôn ngữ đầu ra) - mục tiêu chung của mọi chương trình đào tạo ngoại ngữ.

Để làm rõ vai trò quyết định của kiến thức đầu vào trong quá trình phát triển năng lực giao tiếp cho người học, bài viết điềm lại một số quan điểm phổ biến về năng lực giao tiếp, về kiến thức đầu vào và vai trò của kiến thức đầu vào trong phát triển năng lực giao tiếp, làm cơ sở cho việc đề xuất một số biện pháp hướng tới một chương trình đào tạo hợp lý và một hệ thống giáo trình phù hợp nhằm tăng cường và cải thiện chất lượng của kiến thức đầu vào.

* ĐT: 84-903297098.

E-mail: quydb@yahoo.co.uk



2. Năng lực giao tiếp là gì?

Mặc dù năng lực giao tiếp luôn là mục tiêu cơ bản của các chương trình dạy học ngôn ngữ hiện nay, song nó vẫn chưa được hiểu và lý giải một cách thống nhất. Sau đây là một vài quan điểm phổ biến về năng lực giao tiếp.

Hymes [1], người tạo ra thuật ngữ *năng lực giao tiếp*, đưa ra một trong những quan điểm có ảnh hưởng sâu rộng nhất về khái niệm này. Mặc dù quan điểm của ông phần lớn dựa vào khái niệm năng lực và khả năng giao tiếp của Chomsky [2], nhưng ông đã chỉ ra được rằng, kiến thức về một ngôn ngữ không chỉ giới hạn ở kiến thức về các quy tắc ngữ pháp mà còn có cả những hiểu biết thuộc lĩnh vực tâm lý.

Halliday [3] bổ sung một thành tố gồm ba chức năng ngôn ngữ: *Chức năng tương tác*, *chức năng tạo lời* và *chức năng tổ chức* vào khái niệm năng lực giao tiếp do Hymes đề xướng. Ông tin rằng, chúng ta chỉ có thể hiểu được các chức năng của một cấu trúc ngữ pháp nhất định nào đó khi chúng ta xem xét cái văn cảnh tình huống giao tiếp mà trong đó nó được sử dụng.

Widdowson [4] có cùng quan điểm với Hymes về năng lực giao tiếp. Theo ông, năng lực giao tiếp của người nói bao gồm cả sự hiểu biết về hệ thống các quy tắc ngữ pháp để tạo ra những câu đúng lẫn sự hiểu biết về những quy tắc mà tạo cho người nói có khả năng sử dụng chúng một cách phù hợp để thực hiện những hành vi tu từ phong cách trong những tình huống giao tiếp xã hội nhất định. Do những quy tắc sử dụng này mang đặc trưng văn hoá và không thể thụ đắc một cách tự nhiên, nên chúng cần được mô tả cẩn kẽ và dạy cẩn thận.

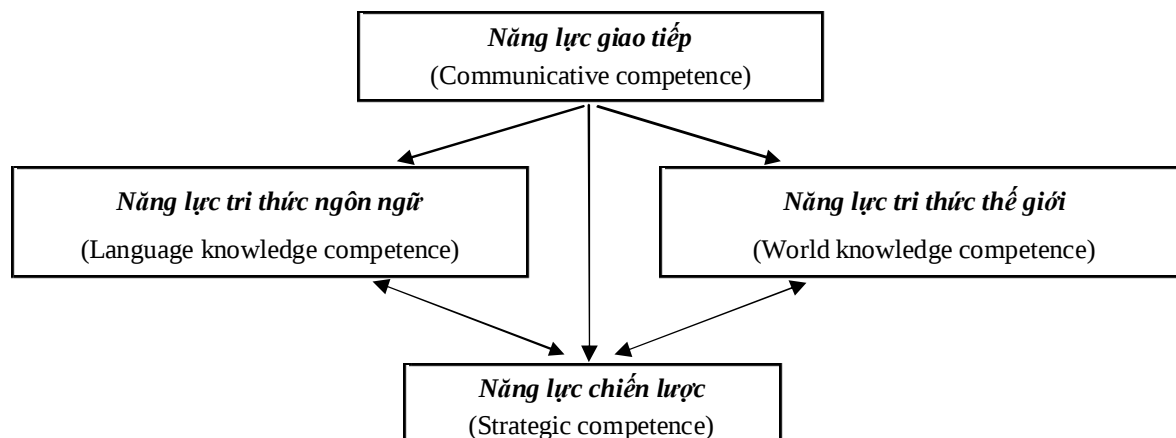
Canale và Swain [5] đề xuất một khuôn khổ lý luận mà kết hợp tất cả các quan điểm khác nhau về năng lực giao tiếp trước đó và đặt đúng vị trí của năng lực ngôn ngữ trong tương quan với năng lực giao tiếp. Năng lực giao tiếp theo quan điểm của Canale và Swain bao gồm: *Năng lực ngữ pháp*, *năng lực ngôn ngữ xã hội* và *năng lực chiến lược*.

Savignon [6,7] chi tiết hoá năng lực giao tiếp của Canale và Swain bằng cách bổ sung *năng lực diễn ngôn* vào khái niệm năng lực giao tiếp của họ. Theo Savignon, *năng lực ngữ pháp*, *năng lực ngôn ngữ xã hội*, *năng lực diễn ngôn* và *năng lực chiến lược* độc lập với nhau, không giao thoa và không chuyển từ thành tố này sang thành tố khác. Tuy nhiên, bởi vì “không ai biết hết một ngôn ngữ cho dù kinh nghiệm và trình độ của người đó đến đâu, nên việc năng lực chiến lược có mặt ở mọi trình độ ngôn ngữ là rất quan trọng” [6].

Gần đây, Bachman [8], sau khi điểm lại lịch sử hình thành và phát triển của khái niệm *năng lực giao tiếp*, cho rằng nên chia năng lực giao tiếp thành hai thành tố chính: 1) *Năng lực tổ chức* bao gồm năng lực ngữ pháp và năng lực diễn ngôn và 2) *Năng lực ngữ dụng* bao gồm năng lực ngôn ngữ xã hội và năng lực tạo lời.

Tóm lại, tổng quan trên cho thấy, cho dù được hiểu như thế nào, được phân chia và gọi tên ra sao thì bản chất của năng lực giao tiếp theo quan điểm của những học giả nêu trên vẫn chỉ là một; đó là khối kiến thức về những bình diện khác nhau của ngôn ngữ. Nói một cách khác, ta có thể khái quát những mô hình năng lực giao tiếp được đề cập ở trên thành *năng lực tri thức ngôn ngữ*. Nhưng, nếu người học ngôn ngữ nói chung và ngoại ngữ nói riêng chỉ có kiến thức về ngôn ngữ thì rõ ràng là chưa đủ để có thể thực hành giao tiếp có hiệu quả. Bởi vì, đó mới chỉ là phương tiện để thể hiện nội dung giao tiếp chứ chưa phải là nội dung cần được chuyển tải trong giao tiếp. Do vậy, theo chúng tôi, cần bổ sung thêm một thành tố nữa vào khái niệm *năng lực giao tiếp* phổ biến hiện nay (Savignon, [6]); đó là *năng lực tri thức thế giới* - khối kiến thức về thế giới tự nhiên và xã hội mà người học tích lũy được qua học tập, nghiên cứu, giao tiếp và tiếp xúc với thế giới xung quanh, đồng thời, khái quát khái niệm *năng lực giao tiếp* thành một khái niệm gồm ba thành tố: *Năng lực tri thức ngôn ngữ*; *năng lực tri thức thế giới*; và *năng lực chiến lược* (xem sơ đồ dưới đây).





Trong đó, năng lực tri thức ngôn ngữ bao gồm ba tiểu thành tố: năng lực ngữ pháp, năng lực ngôn ngữ xã hội và năng lực diễn ngôn; còn năng lực chiến lược thì có mối quan hệ tương hỗ với cả năng lực tri thức ngôn ngữ lẫn năng lực tri thức thế giới.

3. Kiến thức đầu vào và vai trò của của kiến thức đầu vào trong phát triển năng lực giao tiếp

3.1. Kiến thức đầu vào là gì?

Trước hết, cần lưu ý rằng, **kiến thức đầu vào** (input knowledge) là khái niệm do chúng tôi tạo ra, dùng để chỉ tất cả các thành tố kiến thức cần và đủ mà người học phải được cung cấp trong quá trình dạy học ngôn ngữ làm nền tảng cho việc tạo dựng và phát triển năng lực giao tiếp cho họ.

Để phát triển *năng lực giao tiếp* cho người học trong quá trình đào tạo, trên cơ sở những phân tích về bản chất của năng lực giao tiếp ở Mục 1. và dựa vào *Chương trình đào tạo đại học* [9], về tổng thể, chương trình đào tạo cử nhân ngoại ngữ cần cung cấp đủ khối lượng *kiến thức đầu vào* gồm ba khối kiến thức thành tố: 1) *khối kiến thức chung*; 2) *khối kiến thức ngôn ngữ*; và 3) *khối kiến thức nghiệp vụ*.

Khối kiến thức chung bao gồm những thành tố kiến thức phổ thông về thế giới tự nhiên, xã

hội và những thành tố kiến thức đại cương của (nhóm) ngành.

Khối kiến thức ngôn ngữ bao gồm hai nhóm kiến thức thành tố. Một là, nhóm kiến thức ngôn ngữ cơ bản về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, ngôn ngữ xã hội học và diễn ngôn. Hai là, nhóm kiến thức thực hành tiếng.

Khối kiến thức nghiệp vụ bao gồm những thành tố kiến thức về lý luận và kỹ thuật thực hiện thao tác chuyên môn.

Những khối kiến thức trên đây là những khối kiến thức thành tố bắt buộc mà người học phải được cung cấp và rèn dũa trong quá trình đào tạo để có thể đảm bảo một năng lực giao tiếp tốt và bền vững cho họ.

3.2. Vai trò của kiến thức đầu vào trong phát triển năng lực giao tiếp

Trong chương trình đào tạo cử nhân ngoại ngữ, ba khối kiến thức đầu vào nêu trên được cung cấp thông qua một hệ thống giáo trình. Ở đây, chúng tôi tập trung bàn về vai trò của khối kiến thức ngôn ngữ, bởi vì, theo chúng tôi, khối kiến thức này đóng vai trò chủ đạo trong phát triển năng lực giao tiếp. Về cơ cấu, như đã được trình bày ở Tiểu mục 3.1., khối kiến thức ngôn ngữ gồm hai thành tố: 1) khối kiến thức ngôn ngữ cơ bản và 2) khối kiến thức thực hành tiếng.

Khối kiến thức ngôn ngữ cơ bản các tổ hợp quy tắc ngữ pháp, những n



ngữ âm, các phạm trù từ vựng và các bình diện ngôn ngữ xã hội và diễn ngôn của ngôn ngữ đích. Những thành tố kiến thức này hợp thành *một mạng lưới phương thức tổ hợp ngữ liệu tiềm năng* mà từ đó người học có thể lựa chọn để mã hoá hoặc giải mã ý nghĩa khi thực hiện hành vi giao tiếp.

Khởi kiến thức thực hành tiếng gồm các thành tố kiến thức phổ thông về thế giới tự nhiên và xã hội, được cung cấp thông qua một hệ thống giáo trình với nội dung dạy học được biên soạn theo chủ đề. Những văn bản và ngôn bản được tuyển chọn để sử dụng trong các đơn vị bài học có chức năng cung cấp *các yếu tố tạo nghĩa tiềm năng* cả về mặt ngôn ngữ lẫn kiến thức thế giới. Vai trò của các yếu tố này được ví như vai trò của “bột” trong câu: *Có bột mới gột nên hồ*; và lẽ dĩ nhiên, “bột” có tốt và quy trình khuấy “bột” có phù hợp thì mới có thể có “hồ” tốt. Trong dạy học ngôn ngữ, để có đầu ra là năng lực giao tiếp tốt thì ngữ liệu đầu vào phải tốt và lẽ đương nhiên, là phải có quy trình giới thiệu, giải thích cách sử dụng và hình thức luyện tập sử dụng vốn ngữ liệu này phù hợp.

Tóm lại, để có sản phẩm đào tạo đảm bảo chất lượng, nhất định phải có hệ thống giáo trình với khối lượng kiến thức đầu vào phù hợp được cung cấp chủ yếu thông qua bài giảng của người dạy và các hoạt động nghe, đọc, tương tác trong và ngoài lớp học của người học.

4. Tăng cường và cải thiện kiến thức đầu vào thông qua đổi mới chương trình đào tạo

4.1. Những đề xuất chung về chương trình đào tạo

Từ năm học 2008-2009, tất cả các hệ đào tạo cử nhân thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội đã chuyển sang áp dụng hình thức đào tạo theo tín chỉ. Việc thực hiện chương trình đào tạo theo hình thức đào tạo mới này đòi hỏi phải có sự đổi mới về cơ cấu môn học cũng như nội dung của từng môn học. Để đáp ứng đòi hỏi này, trước hết, nên cân nhắc khả năng tái áp dụng hình thức đào tạo theo hai giai đoạn cho những

chương trình đào tạo cử nhân ngoại ngữ: Giai đoạn 1 - *Giai đoạn thực hành tiếng cơ sở (đại cương)*, và giai đoạn 2 - *Giai đoạn thực hành tiếng nâng cao (chuyên sâu)*. Điều cần lưu ý ở đây là, việc chia quá trình đào tạo thành hai giai đoạn chỉ nhằm mục đích tạo định hướng và trọng tâm cho từng giai đoạn.

Giai đoạn 1 có trọng tâm là cung cấp có hệ thống kiến thức cơ bản về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng của ngôn ngữ đích và tạo môi trường phù hợp và mọi điều kiện cần thiết cho người học luyện tập áp dụng vốn kiến thức nền tảng này vào các hoạt động giao tiếp thực tế ở trong cũng như ngoài lớp học. Vốn kiến thức ngôn ngữ và kỹ năng thực hành giao tiếp cơ bản là cần thiết và chung cho mọi bậc, mọi hệ, mọi loại hình đào tạo: từ phổ thông đến sau đại học; từ chuyên ngữ đến không chuyên ngữ; từ sư phạm đến phiên dịch; từ chính quy đến tại chức; từ văn bằng thứ nhất đến văn bằng hai; từ văn bằng đơn đến văn bằng kép. Ngoài ra, giai đoạn này còn có một nhiệm vụ quan trọng nữa, là cung cấp *khởi kiến thức phổ thông về thế giới*.

Giai đoạn 2 có trọng tâm là tiếp tục củng cố và nâng cao năng lực giao tiếp cho người học thông qua việc dạy học các môn học có nội dung lý thuyết chuyên ngành chuyên sâu. Ví dụ như: các bộ môn lý thuyết tiếng (Ngôn ngữ xã hội học⁽¹⁾, Phân tích diễn ngôn⁽²⁾, v.v... các bộ môn nghiệp vụ (Lý luận và Phương pháp dạy học ngoại ngữ, Lý luận và Phương pháp biên-phiên dịch chung, Lý luận và Phương pháp biên-phiên dịch chuyên ngành, v.v...).

4.2. Những đề xuất về tái cơ cấu môn học

Dựa vào những phân tích và đề xuất ở Mục 1. và Tiểu mục 4.1., Chương trình đào tạo chuẩn các ngành ngoại ngữ, được công bố trong cuốn “Chương trình đào tạo đại học” của Đại học Quốc gia Hà Nội [1], nên có một số điều chỉnh như sau:

⁽¹⁾ Nên được xếp vào nhóm Các môn học bắt buộc

⁽²⁾ Nên được xếp vào nhóm Các môn học bắt buộc



Trước hết, cần nâng cấp môn tiếng Việt thành môn tiếng Việt khoa học với thời lượng ít nhất là 5 tín chỉ thay vì 3 như hiện nay. Thoạt nghe, chắc hẳn nhiều người không khỏi cảm thấy ngạc nhiên, nhưng, qua nghiên cứu, trải nghiệm, trao đổi với sinh viên và đồng nghiệp, có thể khẳng định rằng, nếu người học có năng lực giao tiếp bản ngữ tốt thì thông qua chuyên đi ngữ dụng, vốn kiến thức và kỹ năng được tính lũy thông qua bản ngữ sẽ là nền tảng/phương tiện của tư duy nói chung và tư duy bằng ngoại ngữ nói riêng. Ở đây, chúng ta cần đặc biệt nhấn mạnh vai trò của kiến thức nền/tri thức về thế giới xung quanh, chủ yếu được tạo dựng thông qua và được lưu giữ bằng bản ngữ, đối với quá trình tạo dựng và phát triển năng lực giao tiếp ngoại ngữ. Khối kiến thức này được chuyển giao thông qua chuyển đi ngữ cấu trúc.

Tiếp theo là, hai môn Ngữ pháp thực hành tổng hợp và Ngữ âm thực hành nên được xếp vào nhóm *Các môn học bắt buộc* với thời lượng ít nhất là 3 tín chỉ thay vì 2 như hiện nay. Ngoài ra, nên bổ sung môn Từ vựng - Cấu tạo từ hoặc Cấu tạo từ - Hình thái học (tùy theo cách gọi) vào khối kiến thức ngôn ngữ bắt buộc và cũng với thời lượng ít nhất là 3 tín chỉ. Những môn học vừa được đề cập cùng với các môn: Đất nước học và Giao thoa Văn hóa nên được tổ chức giảng dạy ngay từ năm thứ nhất; bởi vì chúng là những môn học cung cấp những thành tố kiến thức nền tảng cho việc tạo dựng và phát triển 1) năng lực ngữ pháp - thành tố chủ chốt của *năng lực tri thức ngôn ngữ* và 2) những thành tố kiến thức về đất nước, con người, văn hóa bản ngữ - khối kiến thức nền cho việc phát triển năng lực diễn đạt nhìn từ góc độ ngôn ngữ xã hội học. Điều này đòi hỏi những người biên soạn giáo trình phải thiết kế nội dung các môn học này sao cho chúng có thể cung cấp một cách có hệ thống những kiến thức bộ môn cơ bản nhằm tạo dựng *khối kiến thức nền tảng* hỗ trợ, trước hết, cho việc phát triển các kỹ năng thực hành tiếng, sau đó, là việc dạy học các môn lý thuyết tiếng.

4.3. Những đề xuất về phân bổ thời lượng cho các môn thực hành tiếng

Về thời lượng, các phân môn thực hành tiếng (THT) cơ sở: *Nghe-Nói* và *Đọc-Viết* nên được tập trung thực hiện trong bốn học kỳ đầu (giai đoạn 1) với thời lượng từ 15 đến 18 giờ tín chỉ/01 lớp/01 tuần, nhằm *phát triển nhanh* năng lực giao tiếp cơ sở cho người học làm nền tảng cho giai đoạn 2 - giai đoạn phát triển kỹ năng thực hành tiếng nâng cao.

Sang giai đoạn THT nâng cao, người học tiếp tục được hoàn thiện kỹ năng thực hành tiếng của mình thông qua các môn học lý thuyết ngôn ngữ có nội dung chuyên ngành chuyên sâu. Như vậy, nhiệm vụ nâng cao năng lực giao tiếp cho người học được giáo viên các bộ môn lý thuyết tiếng tiếp tục chứ không phải dừng lại ở đâu đó trong quá trình đào tạo, sau học kỳ 6 chẳng hạn. Để làm được điều này, nội dung những môn lý thuyết tiếng phải được tái thiết kế và cách dạy học chúng cũng phải được điều chỉnh sao cho chúng thực sự trở thành những môn học *“thực hành tiếng nâng cao”* với một hệ thống chuyên đề có nội dung thiên về các bình diện trù tượng hơn của ngôn ngữ. Nhờ vậy, quá trình phát triển năng lực giao tiếp cho người học không bị gián đoạn và vai trò của người dạy những bộ môn lý thuyết tiếng vừa như là nguồn cung cấp thông tin, kiến thức về bộ môn vừa là người hỗ trợ và hướng dẫn người học tiếp tục phát triển năng lực giao tiếp của mình theo các chủ đề khác với những chủ đề đã được dạy học ở giai đoạn đầu của quá trình đào tạo.

5. Kết luận

Trong dạy học ngoại ngữ, *kiến thức đầu vào* luôn là yếu tố then chốt. Khối kiến thức này, nếu được cung cấp đủ cả về lượng lẫn chất thông qua một chương trình đào tạo có cơ cấu và nội dung môn học hợp lý, trong một môi trường dạy học “thân thiện”, được luyện tập sử dụng đúng cách và đúng mức, sẽ được chuyển hóa thành một *tổ hợp kiến thức nền* về ngôn ngữ đích, cũng như về mộ



chiến lược sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp thực tế. *Tổ hợp kiến thức này là yếu tố nền tảng quyết định sự thành công của quá trình tạo dựng và phát triển năng lực giao tiếp cho mọi đối tượng người học ngoại ngữ.*

Tài liệu tham khảo

- [1] R. Ellis, *SLA research and language teaching*, Oxford University Press, Oxford, 1997.
- [2] Đỗ Bá Quý, *Vai trò của kiến thức nền trong phát triển năng lực giao tiếp ngoại ngữ*, Hội thảo Ngữ học toàn quốc 2009, Cần Thơ, 2009.
- [3] R. Ellis, *The study of second language acquisition*, Oxford University Press, Oxford, 1994.
- [4] J.A. Van Ek, L.G. Alexander (eds.), *The threshold level English*, Pergamon Press, Oxford, 1980.
- [5] Đỗ Bá Quý, *Nghiên cứu phương pháp giảng dạy thực hành tiếng Anh cho năm thứ nhất theo hướng chuyên đề*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Mã số: N.98.07, 2004.
- [6] D. Richards, *Concept and functions in current syllabuses*, SEAMEO Regional Language Centre, Singapore, 1983.
- [7] W. Rivers, *Teaching foreign language skills*, University of Chicago Press, Chicago, 1981.
- [8] S. Savignon, *Communicative competence: theory and classroom practice*, Addison Wesley, Reading, 1983.
- [9] D. Hymes, *On Communicative Competence*, in Pride, J. and Holmes, J. (eds.) *Sociolinguistics*, Penguin Books, Harmondsworth, 1971.

The role of input knowledge in the developing of foreign language communicative competence

Do Ba Quy

*Department of Post-Graduate Studies, College of Foreign Languages,
Vietnam National University, Hanoi, Pham Van Dong Street, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

The paper has two purposes: 1) to review most popular views on communicative competence, input knowledge and its role in the developing of communicative competence; and 2) to suggest some changes and amendments to the existing foreign language bachelor training program at the College of Foreign Languages, Vietnam National University, Hanoi towards the provision of appropriate *input knowledge* in three areas: 1) *foundation knowledge*, 2) *language knowledge*, and 3) *specialist knowledge* on the basis of the newly proposed modified version of communicative competence that comprises three components: language knowledge competence, world knowledge competence and strategic competence. The combination of these bodies of knowledge is fundamental to success in the building and developing of communicative competence for all language learners.

Keywords: Input knowledge, communicative competence, training program.

